

Số: /BC-UBND Bình Định, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính trong tháng 02 năm 2024 trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Văn phòng Chính phủ

Thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định đã ban hành Công văn số 5319/UBND-KSTT ngày 31 tháng 7 năm 2023 về việc rà soát, triển khai thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Nội vụ.

Căn cứ Đề cương báo cáo hàng tháng về kết quả thực hiện các nội dung theo Công điện số 644/CD-TTg ngày 18 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (gửi kèm theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ); Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính tháng 02 năm 2024 (từ ngày 20 tháng 01 năm 2024 đến ngày 20 tháng 02 năm 2024) trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Về cải cách việc quy định thủ tục hành chính (TTHC)

1.1. Kết quả đánh giá tác động và thẩm định TTHC trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định TTHC

- Đã đánh giá tác động đối với TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật: 0

- Đã thẩm định đối với TTHC quy định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó:

+ Cơ quan thẩm định đã kiến nghị bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: 0

+ Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tiếp thu đề bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung theo hướng cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: 0.

1.2. Kết quả cắt giảm, đơn giản hóa quy định TTHC: không

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch¹ rà soát, đánh giá 29 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của 15 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh thực hiện trong năm 2024.

- Trên cơ sở ý kiến tham gia góp ý của các cơ quan, đơn vị², Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành văn bản³ góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo đúng thời gian quy định.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 1211/UBND-KSTT ngày 22 tháng 02 năm 2024 giao Công an tỉnh tham mưu, triển khai thực hiện Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 14 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ; Công văn số 875/UBND-KSTT ngày 02 tháng 02 năm 2024 giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu, triển khai Kế hoạch cải cách thủ tục hành chính trọng tâm năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và Công văn số 1054/UBND-KSTT ngày 07 tháng 02 năm 2024 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện một số nhiệm vụ của Đề án 06 theo Công văn số 448/TCTTKĐA ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Tổ Công tác Đề án 06 Chính phủ.

1.3. Tổng số TTHC được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: không

2. Về cải cách việc thực hiện TTHC

2.1. Kết quả công khai, minh bạch trong thực hiện TTHC

Theo kết quả đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trong tháng 02 năm 2024, điểm trung bình nhóm chỉ số công bố, công khai đạt 10,6/18 điểm, cụ thể:

- Tỷ lệ TTHC công bố đúng hạn đạt 33%, tỷ lệ TTHC công khai, cập nhật đúng hạn đạt 44%.

- Số TTHC được công khai đầy đủ các nội dung quy định về các bộ phận cấu thành đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia là 51.227 hồ sơ (đạt 71,18%), hồ sơ chưa đồng bộ 20.746 (chiếm 28,82%).

- Thực hiện thường xuyên việc rà soát, làm sạch TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.2. Kết quả giải quyết TTHC

¹ Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

² Có 07 cơ quan, đơn vị (Sở Y tế, Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Du lịch, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tư pháp và Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Bình Định).

³ Công văn số 1166/UBND-KSTT ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong kỳ báo cáo là: 38.489 hồ sơ, trong đó bao gồm: 25.067 hồ sơ tiếp nhận mới (trực tuyến: 23.259 hồ sơ; trực tiếp và qua dịch vụ bưu chính công ích: 1.808 hồ sơ), có 13.422 hồ sơ từ kỳ trước chuyển qua.

- Số lượng hồ sơ đã giải quyết là: 27.642 hồ sơ, trong đó bao gồm: 26.339 hồ sơ giải quyết trước hạn, 1.246 hồ sơ giải quyết đúng hạn và 57 hồ sơ giải quyết trễ hạn.

- Số lượng hồ sơ đang giải quyết và còn trong hạn: 10.847 hồ sơ.

2.3. Kết quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định⁴ giao 07 chỉ tiêu tiêu liên quan đến “Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công trực tuyến” trên địa bàn tỉnh trong năm 2024 cho 18 cơ quan chuyên môn thuộc tỉnh, 11 Ủy ban nhân dân cấp huyện (bao gồm 07 chỉ tiêu: (i) Hồ sơ trực tuyến, (ii) Thanh toán trực tuyến, (iii) Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, (iv) Khai thác, sử dụng lại thông tin số hóa, (v) Cấp kết quả điện tử, (vi) Dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ trực tuyến và (vii) Thủ tục hành chính cung cấp thanh toán trực tuyến có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến). Đến nay, có 06/11 đơn vị cấp huyện⁵ đã có văn bản giao chỉ tiêu cho đơn vị cấp xã.

- Thực hiện Công văn số 221/VPCP-KSTT ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ⁶, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Công văn số 304/UBND-KSTT ngày 12 tháng 01 năm 2024 triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đã ban hành Kế hoạch⁷ thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh.

- Trong tháng 02 năm 2024, số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến là 23.259/25.067 đạt tỷ lệ 92,04% (tăng 0,75% so với tháng 01 năm 2024). Các cơ quan có số lượng hồ sơ phát sinh trực tuyến chiếm tỷ trọng lớn, bao gồm: Sở Công Thương: 2.131/2.131 hồ sơ, Sở Giao thông vận tải: 1.165/1.168 hồ sơ, Sở Tư pháp: 654/654 hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: 553/553 hồ sơ, Sở Xây dựng: 107/107 hồ sơ. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã,

⁴ Quyết định số 235/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁵ 06 đơn vị cấp huyện ban hành Quyết định, gồm: Tuy Phước (Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 01/02/2024), Quy Nhơn (Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 26/01/2024), Hoài Nhơn (Quyết định số 1341/QĐ-UBND ngày 29/01/2024), Vĩnh Thạnh (Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 25/01/2024), Hoài Ân (Quyết định số 395/QĐ-UBND ngày 25/01/2024), An Lão (Quyết định số 231/QĐ-UBND ngày 24/01/2024).

⁶ Công văn số 221/VPCP-KSTT ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc triển khai nhiệm vụ, chỉ tiêu giao tại các Nghị quyết số 01/NQ-CP, Nghị quyết số 02/NQ-CP năm 2024 của Chính phủ.

⁷ Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 29 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

thành phố, bao gồm: Hoài Nhơn: 1.587/1.592 hồ sơ, Tuy Phước: 919/919 hồ sơ, Tây Sơn: 770/770 hồ sơ là những địa phương có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh nhiều và đạt tỷ lệ 100%; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc Quy Nhơn: 1.868/1.898 hồ sơ, Hoài Nhơn: 1.586/1.620 hồ sơ là các địa phương có số lượng hồ sơ trực tuyến phát sinh nhiều và đạt tỷ lệ 97% (*Phụ lục 1 kèm theo*).

- Giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trong tháng 02 năm 2024 là 19.706 giao dịch, đạt tỷ lệ 95,9% (tăng 1,7% so với tháng 01 năm 2024). Các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả bao gồm các Sở: Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Hoài Nhơn, Tây Sơn; các xã, phường, thị trấn của huyện Tuy Phước, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn, huyện Phù Cát, huyện Phù Mỹ (*Phụ lục 2 kèm theo*).

2.4. Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ bình quân của cả tỉnh đạt 98,4% (tăng 0,7% so với tháng 01 năm 2024), trong đó: cấp tỉnh đạt 99,9% (tăng 0,2%), cấp huyện đạt 99,9 % (tăng 0,3%), cấp xã đạt 98,4% (tăng 3,5%).

- Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả điện tử bình quân của cả tỉnh đạt 91,89% (tăng 5,03% so với tháng 01 năm 2024), trong đó: cấp tỉnh đạt 79,6% (tăng 20%), cấp huyện đạt 90,6% (tăng 4,2%), cấp xã đạt 96,4% (tăng 0,1%).

- Tỷ lệ khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh đạt 96% (tăng 1,25% so với cùng kỳ tháng 01 năm 2024), trong đó: cấp tỉnh đạt 96% (tăng 2,1%), cấp huyện đạt 94% (tăng 0,5%), cấp xã đạt 97% (tăng 0,9%).

3. Kết quả tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định và hành vi hành chính: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 10 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 09 phản ánh; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 01 phản ánh.

- Tình hình tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định kinh doanh theo mục IX Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ: tổng số phản ánh, kiến nghị đã tiếp nhận: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý đúng hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đã xử lý quá hạn: 0; số phản ánh, kiến nghị đang xử lý: 0.

4. Nhiệm vụ khác

Nhằm đổi mới và nâng cao phương thức phục vụ người dân theo hướng chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin về nhu cầu của người dân để hỗ trợ, phục vụ người dân thực hiện thủ tục hành chính. Đồng thời, thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, đồng viên của các cơ quan chính quyền đối với những vấn đề nảy sinh, có ảnh hưởng, tác động đến cuộc sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của

người dân, doanh nghiệp góp phần xây dựng hình ảnh chính quyền thân thiện, gần gũi, đồng hành, phục vụ người dân, doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch⁸ triển khai mô hình “Hành chính phục vụ người dân” trên địa bàn tỉnh Bình Định. Đến nay, đã có 4/6 địa phương⁹ thí điểm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện mô hình này. Theo đó, tính đến ngày 21 tháng 02 năm 2024, Ủy ban nhân dân thành phố Quy Nhơn là địa phương đầu tiên trong tỉnh đã triển khai thí điểm mô hình này tại 11 đơn vị, bao gồm các phường: Ghềnh Ráng, Quang Trung, Ngô Mỹ, Đống Đa, Nhơn Bình, Trần Phú, Lý Thường Kiệt, Trần Quang Diệu, xã Nhơn Châu và xã Nhơn Hội.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Công tác kiểm soát TTHC, theo dõi, đôn đốc, đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, thực hiện dịch vụ công trực tuyến và báo cáo định kỳ hằng tháng về công tác cải cách TTHC theo Công văn số 5633/VPCP-KSTT ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ tiếp tục được duy trì và thực hiện nền nếp, qua đó góp phần thúc đẩy, nâng cao hiệu quả giải quyết TTHC và thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

- Số lượng hồ sơ TTHC tiếp nhận trực tuyến; Giao dịch thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC; Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, cấp kết quả điện tử, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bình quân của cả tỉnh tăng so với tháng 01 năm 2024.

2. Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC giải quyết trễ hạn trong tháng 02 năm 2024 tăng 10 hồ sơ so với tháng 01 năm 2024.

- Một số cơ quan, đơn vị chậm tham gia góp ý dự thảo Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Công văn số 1050/UBND-KSTT ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh¹⁰.

III. NHIỆM VỤ TRONG THÁNG 3 NĂM 2024

1. Tiếp tục duy trì việc công bố, công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.

2. Triển khai Kế hoạch thực hiện thí điểm việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

⁸ Quyết định số 4900/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

⁹ 04 địa phương bao gồm: Quy Nhơn (Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 18/01/2024), An Nhơn (Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 22/01/2024), An Lão (Quyết định số 343/QĐ-UBND ngày 01/02/2024), Hoài Nhơn (Quyết định số 2287/QĐ-UBND ngày 21/02/2024).

¹⁰ Bao gồm các Sở: Ngoại vụ, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông, Văn hóa và Thể thao, Lao động Thương binh và Xã hội, Giao thông vận tải; Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

3. Triển khai chức năng chứng thực bản sao điện tử từ bản chính trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính đề nghị Văn phòng Chính phủ kiến nghị Bộ Y tế xem xét một số vấn đề cụ thể như sau:

1. Theo Quyết định số 7867/QĐ-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp” theo quy định khoản 1 Điều 4 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP. Đề nghị Bộ Y tế rà soát, bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với Thủ tục “Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ” (Mã thủ tục: 1.004616).

2. Quyết định số 159/QĐ-BYT ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố 03 thủ tục hành chính “Gia hạn giấy phép hành nghề” (Mã thủ tục: 1.012269; 1.012273; 1.012291) quy định thời hạn giải quyết hồ sơ **“kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề”**, khó khăn cho địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện. Đề nghị Bộ Y tế xem xét quy định cụ thể thời gian giải quyết đối với 03 thủ tục hành chính nêu trên để tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định trân trọng báo cáo Văn phòng Chính phủ xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng BTC Nguyễn Đức Chi (b/c);
- Cục Kiểm soát TTHC (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Các cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VNPT Bình Định, Bưu điện tỉnh;
- LĐ, CV VP UBND tỉnh;
- THCB, PVHCC, HCTC;
- Tổ CCHC của VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KSTT^(C).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

Phụ lục 1
THỐNG KÊ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN TRÊN CỔNG DỊCH VỤ CÔNG TỈNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyến	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyến, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
I	Cấp tỉnh	5020	5079	98.84
1	Sở Công Thương	2131	2131	100
2	Sở Du lịch	17	17	100
3	Sở Giáo dục và Đào tạo	96	96	100
4	Sở Khoa học và Công nghệ	9	9	100
5	Sở Ngoại vụ	3	3	100
6	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	553	553	100
7	Sở Nội vụ	45	45	100
8	Sở Thông tin và Truyền thông	6	6	100
9	Sở Tài chính*	1	1	100
10	Sở Tư pháp	654	654	100
11	Sở Văn hóa và Thể thao	20	20	100
12	Sở Xây dựng	107	107	100
13	Sở Y tế	75	75	100
14	Sở Giao thông vận tải*	1165	1168	99.74
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư*	11	12	91.67
16	Sở Lao Động -Thương binh và Xã hội	30	34	88.24
17	Ban Quản lý khu kinh tế	11	13	84.62
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	86	135	63.7
II	Cấp huyện	8051	8357	96.34
1	UBND huyện Hoài Ân	246	246	100
2	UBND huyện Tây Sơn	770	770	100
3	UBND huyện Tuy Phước	919	919	100
4	UBND thị xã Hoài Nhơn	1587	1592	99.69
5	UBND huyện Phù Cát	892	903	98.78
6	UBND huyện Vĩnh Thạnh	110	112	98.21
7	UBND huyện Phù Mỹ	681	718	94.85
8	UBND TP. Quy Nhơn	1416	1507	93.96
9	UBND huyện An Lão	223	242	92.15
10	UBND huyện Vân Canh	153	168	91.07

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số hồ sơ trực tuyển	Tổng số hồ sơ tiếp nhận trong kỳ (trực tuyển, trực tiếp và thông qua dịch vụ BCCI)	Tỷ lệ (%)
11	UBND thị xã An Nhơn	1054	1180	89.32
II	Cấp xã	10188	11631	87.59
1	UBND TP. Quy Nhơn	1868	1898	98.42
2	UBND thị xã Hoài Nhơn	1586	1620	97.9
3	UBND thị xã An Nhơn	653	676	96.6
4	UBND huyện Phù Mỹ	1086	1157	93.86
5	UBND huyện Tuy Phước	1597	1764	90.53
6	UBND huyện Hoài Ân	352	418	84.21
7	UBND huyện An Lão	375	456	82.24
8	UBND huyện Tây Sơn	817	994	82.19
9	UBND huyện Vân Canh	279	388	71.91
10	UBND huyện Phù Cát	1151	1619	71.09
11	UBND huyện Vĩnh Thạnh	424	641	66.15
	Tổng cộng I+II+III	23259	25067	92.79

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 20/01/2024 đến ngày 20/02/2024.

(*) Chưa tính dữ liệu trên phần mềm chuyên ngành.

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN GIAO DỊCH THANH TOÁN
TRỰC TUYẾN PHÍ, LỆ PHÍ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Ban hành kèm theo Báo cáo số /BC-UBND
ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định)

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
I	Cấp tỉnh	3104	3112	99.74
1	Sở Du lịch	25	25	100
2	Sở Giao thông vận tải	1100	1100	100
3	Sở Khoa học và Công nghệ	12	12	100
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư*	1	1	100
5	Sở Tài nguyên và Môi trường	273	273	100
6	Sở Thông tin và Truyền thông	6	6	100
7	Sở Văn hóa và Thể thao	4	4	100
8	Sở Lao Động -Thương binh và Xã hội	17	17	100
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	650	650	100
10	Sở Tư pháp	728	729	99.86
11	Sở Xây dựng	119	120	99.17
12	Sở Y tế	147	150	98
13	Sở Công Thương	20	22	90.91
14	Ban Quản lý khu kinh tế	2	3	66.67
15	Ban Dân tộc	-	-	-
16	Sở Nội vụ	0	0	0
17	Sở Tài chính	-	-	-
18	Sở Ngoại vụ	-	-	-
19	Sở Giáo dục và Đào tạo	-	-	-
20	Thanh Tra	-	-	-
II	Cấp huyện	7323	8120	90.18
1	UBND huyện An Lão	216	216	100
2	UBND huyện Hoài Ân	324	324	100
3	UBND thị xã Hoài Nhơn	1199	1199	100
4	UBND huyện Tây Sơn	1028	1028	100
5	UBND thị xã An Nhơn	1120	1134	98.77
6	UBND huyện Vân Canh	129	133	96.99
7	UBND TP. Quy Nhơn	1433	1561	91.8
8	UBND huyện Vĩnh Thạnh	173	199	86.93
9	UBND huyện Phù Mỹ	538	637	84.46
10	UBND huyện Phù Cát	632	808	78.22
11	UBND huyện Tuy Phước	531	881	60.27
III	Các xã	9279	9317	99.59

STT	Đơn vị cấp tỉnh	Số giao dịch	Số lượng giao dịch phát sinh	Kết quả tỷ lệ thực hiện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(3)/(4)
1	UBND huyện Tuy Phước	1460	1460	100
2	UBND thị xã An Nhơn	493	493	100
3	UBND thị xã Hoài Nhơn	1224	1224	100
4	UBND TP. Quy Nhơn	1359	1361	99.85
5	UBND huyện Phù Mỹ	1018	1020	99.8
6	UBND huyện Vân Canh	365	366	99.73
7	UBND huyện An Lão	324	325	99.69
8	UBND huyện Tây Sơn	885	888	99.66
9	UBND huyện Phù Cát	1302	1315	99.01
10	UBND huyện Vĩnh Thạnh	549	555	98.92
11	UBND huyện Hoài Ân	300	310	96.77
	Tổng số I+II+III	19706	20549	95.9

Ghi chú:

Số liệu tính từ ngày 20/01/2024 đến ngày 20/02/2024 (thống kê theo ngày thanh toán).

(-) Các cơ quan không có TTHC thu phí, lệ phí.

(*) Chưa tính dữ liệu trên phần mềm chuyên ngành.